

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG THPT PHƯỚC LONG



# ĐỀ CƯƠNG MÔN ĐỊA LÝ 10

## NĂM HỌC 2021 – 2022

Họ và tên: .....

Lớp: .....



# CHỦ ĐỀ 7: CÁC QUY LUẬT CỦA LỚP VỎ ĐỊA LÍ

## I. LỚP VỎ ĐỊA LÍ

- Khái niệm: Lớp vỏ địa lí (lớp vỏ cảnh quan) là lớp vỏ của Trái Đất, ở đó các lớp vỏ bộ phận (khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, thổ nhưỡng quyển và sinh quyển) .....,  
.....lẫn nhau.

- Giới hạn:

+ Trên: Nơi tiếp xúc với .....

+ Dưới: Đáy ..... và đáy ..... ở lục địa.

+ Chiều dày khoảng: .....

## II. QUY LUẬT THỐNG NHẤT VÀ HOÀN CHỈNH CỦA LỚP VỎ ĐỊA LÍ

### 1. Khái niệm

- Khái niệm: Là quy luật về mối quan hệ ..... giữa các thành phần và của mỗi bộ phận lãnh thổ nhỏ trong lớp vỏ địa lí.

- Nguyên nhân:

+ Mỗi thành phần của lớp vỏ địa lí đều đồng thời chịu tác động trực tiếp hay gián tiếp của ..... và .....

+ Các thành phần tự nhiên luôn có sự .....qua lại và gắn bó mật thiết với nhau.

### 2. Biểu hiện

Trong một lãnh thổ:

+ Các thành phần tự nhiên luôn có sự ảnh hưởng .....lẫn nhau.

+ Nếu một thành phần thay đổi → .....của các thành phần còn lại và toàn bộ lãnh thổ.

### 3. Ý nghĩa thực tiễn

Trước khi tiến hành các hoạt động:

- Cần phải nghiên cứu kỹ, toàn diện môi trường tự nhiên

- Dự báo trước những thay đổi của các thành phần tự nhiên khi tác động vào môi trường để đề xuất các giải pháp tháo gỡ.

## III. QUY LUẬT ĐỊA ĐỐI

### 1. Khái niệm

- Là sự thay đổi có .....của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo .....

- Nguyên nhân: Do trái đất hình cầu và góc nhập xạ của Mặt Trời đến bề mặt TD .....từ xích đạo về hai cực.

### 2. Biểu hiện của quy luật

a. Sự phân bố các vòng đai nhiệt trên Trái Đất

Các vòng đai	Vị trí	
	Giữa các đường đẳng nhiệt	Khoảng vĩ tuyến
Nóng	.....	.....
Ôn hòa	.....	.....
Lạnh	.....	.....
Băng giá vĩnh cửu	.....	.....

*b. Các đai khí áp và các đới gió trên Trái Đất*

- ..... đai khí áp
- ..... đới gió

*c. Các đới khí hậu trên Trái Đất*

Có 7 đới khí hậu chính: .....

*d. Các nhóm đất và các kiểu thảm thực vật:*

- Có ..... nhóm đất từ cực đến XĐ.
- Có ..... kiểu thảm thực vật từ cực đến XĐ.
- Tuân thủ theo quy luật địa đới

#### IV. QUY LUẬT PHI ĐỊA ĐỚI

##### 1. Khái niệm

- Là quy luật phân bố ..... vào tính chất phân bố theo địa đới của các thành phần địa lí và cảnh quan.

- Nguyên nhân:

+ Nguồn năng lượng ..... Trái Đất phân chia bề mặt Trái Đất thành lục địa, đại dương, núi cao.

##### 2. Biểu hiện của quy luật

	Khái niệm	Nguyên nhân	Biểu hiện
Quy luật đai cao	Sự thay đổi có quy luật của các thành phần tự nhiên theo .....	Giảm nhanh .....theo độ cao, sự thay đổi .....	Phân bố vành đai đất, thực vật theo độ cao.
Quy luật địa ô	Sự thay đổi các thành phần tự nhiên và cảnh quan theo .....	- Sự phân bố ..... ..... - Núi chạy theo hướng kinh tuyến.	Thay đổi ..... theo kinh độ.

# CHỦ ĐỀ 8: ĐỊA LÍ DÂN CƯ

## I. DÂN SỐ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ THẾ GIỚI

### 1. Dân số thế giới

- Quy mô dân số thế giới ngày càng lớn

Năm 2001 là 6.137 triệu người; Giữa năm 2005 là 6.477 triệu người; Năm 2017: 7,53 tỷ người

- Quy mô dân số giữa các châu lục và các nước .....(có 11 quốc gia/200 quốc gia với dân số trên 100 triệu người, 17 nước có số dân từ 0,01- 0,1 triệu người)

### 2. Tình hình phát triển dân số thế giới

- Thời gian dân số tăng thêm 1 tỉ người càng rút ngắn từ 123 năm xuống 32, xuống 15 năm, 13 năm, 12 năm.

- Thời gian dân số tăng gấp đôi cũng rút ngắn: Từ 123 năm còn 47 năm.

=> Tốc độ gia tăng dân số ....., quy mô ngày càng lớn đặc biệt từ nửa sau thế kỉ XX do tỉ lệ tử vong giảm nhờ những thành tựu của y tế, chăm sóc sức khỏe,...

## II. GIA TĂNG DÂN SỐ

### 1. Gia tăng tự nhiên

a. *Tỉ suất sinh thô*: Tương quan giữa .....trong năm so với số dân trung bình ở cùng thời điểm (đơn vị: ‰)

- Nguyên nhân: sinh học, tự nhiên, tâm lí xã hội, hoàn cảnh kinh tế, chính sách phát triển dân số.

- Hiện trạng: Tỉ suất sinh thô xu hướng ....., ở các nước phát triển ....., nhóm nước đang phát triển .....nhóm phát triển.

b. *Tỉ suất tử thô*: Tương quan giữa số người chết trong năm so với .....cùng thời điểm (đơn vị:‰)

- Tỉ suất tử thô có xu hướng .....(tuổi thọ TB tăng), mức chênh lệch tỉ suất tử thô giữa các nhóm nước không lớn như tỉ suất sinh thô.

- Nguyên nhân: Do đặc điểm KT-XH, chiến tranh, thiên tai,...

c. *Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên (Tg)*

- Là sự chênh lệch giữa tỉ suất .....và ....., coi là động lực phát triển dân số (đơn vị: ‰)

d. *Ảnh hưởng của tình hình tăng dân số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.*

- Gây sức ép lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

2. **Gia tăng cơ học**: Sự chênh lệch giữa số người .....và .....

- Có ý nghĩa quan trọng đối với từng khu vực, từng quốc gia, trên phạm vi toàn thế giới, không ảnh hưởng đến quy mô DS.

**3. Gia tăng dân số:** Tỷ suất gia tăng dân số bằng .....của tỷ suất gia tăng tự nhiên và tỷ suất gia tăng cơ học (đơn vị: %).

### III. CƠ CẤU DÂN SỐ

#### 1. Cơ cấu sinh học

a. Cơ cấu dân số theo giới (đơn vị%)

- Khái niệm biểu thị tương quan giữa .....so với .....hoặc so với .....

- Cơ cấu dân số theo giới có sự .....theo thời gian, từng nước, từng khu vực: nước phát triển nữ nhiều hơn nam và ngược lại.

- Nguyên nhân: Trình độ phát triển kinh tế, chuyển cư, tuổi thọ trung bình nữ lớn hơn nam.

- Ảnh hưởng đến ....., ....., hoạch định chính sách phát triển kinh tế- xã hội của các quốc gia...

b. Cơ cấu dân số theo độ tuổi (đơn vị %)

- Khái niệm: Là tập hợp những nhóm người sắp xếp theo những .....nhất định.

- Ý nghĩa: Thể hiện tình hình sinh, tử, tuổi thọ, khả năng phát triển của dân số và nguồn lao động của một nước.

- Có ba nhóm tuổi trên thế giới:

+ Nhóm dưới tuổi lao động: 0 - 14 tuổi

+ Nhóm tuổi lao động: 15 - 59 (đến 64 tuổi)

+ Nhóm trên tuổi lao động: Trên 60 (hoặc 65) tuổi

- Cơ cấu dân số trẻ: Độ tuổi 0 - 14 trên 35%. Tuổi 60 trở lên dưới 10%

+ Thuận lợi: .....

+ Khó khăn: .....

- Cơ cấu dân số già: Độ tuổi 0 - 14 dưới 25%. Tuổi 60 trở lên trên 15%

+ Thuận lợi: ....., .....

+ Khó khăn: ....., .....

- Tháp dân số (tháp tuổi)

+ Biểu đồ thể hiện cơ cấu dân số theo ....., .....

+ Có 3 kiểu tháp (mở rộng, thu hẹp, ổn định)

Qua tháp dân số biết được tình hình sinh, tử, gia tăng dân số, tuổi thọ trung bình.

#### 2. Cơ cấu xã hội

a. Cơ cấu dân số theo lao động

- Cho biết nguồn lao động và dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

\* *Nguồn lao động*

- Dân số trong tuổi lao động có .....: Nhóm dân số hoạt động kinh tế; Nhóm dân số không hoạt động kinh tế

\* *Dân số hoạt động theo khu vực kinh tế*

- Khu vực I: Nông-lâm- ngư nghiệp

- Khu vực II: Công nghiệp-xây dựng

- Khu vực III: Dịch vụ

=> Xu hướng tăng ở khu vực ..... và .....

*b. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa*

- Phản ánh trình độ .....và.....của dân cư, một tiêu chí để đánh giá chất lượng cuộc sống của một quốc gia.

- Dựa vào:

+ Tỷ lệ người biết chữ 15 tuổi trở lên.

+ Số năm đi học của người 25 tuổi trở lên

+ Các nước phát triển có trình độ văn hoá .....các nước đang phát triển và kém phát triển.

#### **IV. PHÂN BỐ DÂN CƯ**

##### **1. Khái niệm**

Là sự sắp xếp dân số một cách .....hoặc .....trên một lãnh thổ nhất định, phù hợp với điều kiện sống và các yêu cầu của xã hội .

Mật độ dân số = ...../.....(người/km<sup>2</sup>)

##### **2. Đặc điểm**

*a. Phân bố dân cư không đều trong không gian*

*b. Phân bố dân cư biến động theo thời gian*

##### **3. Các nhân tố ảnh hưởng đến phân bố dân cư**

+ Điều kiện tự nhiên: Khí hậu, nước, địa hình, đất, khoáng sản,.. thuận lợi thu hút dân cư.

+ Điều kiện kinh tế - xã hội: Phương thức sản xuất (tính chất nền kinh tế), trình độ phát triển kinh tế,... quyết định đến sự phân bố dân cư.

+ Lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, chuyển cư,...

#### **V. ĐÔ THỊ HOÁ**

##### **1. Khái niệm**

Là quá trình kinh tế-xã hội mà biểu hiện của nó là sự tăng nhanh .....và .....của các điểm dân cư đô thị, sự tập trung .....trong các thành phố, nhất là các thành phố lớn và phổ biến rộng rãi .....

## 2. Đặc điểm: 3 đặc điểm

- a. Dân cư thành thị có xu hướng tăng nhanh
- b. Dân cư tập trung vào các thành phố lớn và cực lớn
- c. Phổ biến rộng rãi lối sống thành thị

## 3. Ảnh hưởng của đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế-xã hội và môi trường .

- Tích cực: Thúc đẩy tốc độ phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thay đổi sự phân bố dân cư, thay đổi các quá trình sinh, tử và hôn nhân ở các đô thị.

- Tiêu cực: Nếu không xuất phát từ công nghiệp hóa (tự phát).

+ Nông thôn: .....

+ Thành phố: .....

## VI. THỰC HÀNH TÌM HIỂU SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ

### 1. Xác định khu vực thưa dân và khu vực tập trung dân cư đông đúc

- Giữa các bán cầu: ....., .....

- Giữa các lục địa với nhau: chủ yếu ở Á-Âu

- Giữa các khu vực với nhau:

+ Khu vực đông dân: .....

+ Khu vực thưa dân: dưới 10 người /km<sup>2</sup> Bắc Mỹ (Canada, phía Tây Hoa Kỳ), Amadôn, Bắc Phi, Bắc Á (LB Nga), Trung Á, Ôxtrâyli

### 2. Giải thích sự phân bố dân cư không đều

Do tác động đồng thời của hai nhân tố

- Tự nhiên:

+ Những nơi đông đúc thường là: .....

+ Những nơi thưa dân thường là: .....

- Nhân tố kinh tế-xã hội:

+ Trình độ phát triển của .....

+ Tích chất nền kinh tế (phương thức sản xuất): nơi có hoạt động công nghiệp thường ..... dân hơn nông nghiệp

+ Nơi có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời dân cư tập trung .....nơi mới khai thác.

## CHỦ ĐỀ 9: CƠ CẤU NỀN KINH TẾ

### I. CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ



## 1. Khái niệm

Nguồn lực là tổng thể ....., các nguồn ....., hệ thống tài sản quốc gia, ....., đường lối chính sách, vốn và thị trường... ở cả trong và ngoài nước có thể được khai thác nhằm phục vụ cho việc phát triển kinh tế của một lãnh thổ nhất định.

## 2. Các nguồn lực và vai trò đối với phát triển kinh tế

### \* Căn cứ vào nguồn gốc:

- Nguồn lực vị trí địa lí (tự nhiên, kinh tế, chính trị, giao thông...) tạo điều kiện thuận lợi hay khó khăn trong việc trao đổi, tiếp cận hay cùng phát triển giữa các vùng trong một nước, giữa các quốc gia với nhau.

- Nguồn lực tự nhiên: Là .....cho các quá trình sản xuất. Là nguồn lực quan trọng, là điều kiện cần cho quá trình sản xuất.

- Kinh tế - xã hội: (dân cư, thị trường, vốn, KH-KT, chính sách và xu thế phát triển...) có vai trò quan trọng để lựa chọn chiến lược phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước trong từng giai đoạn

\* **Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ:** Nguồn lực bên trong, nguồn lực bên ngoài.

## II. CƠ CẤU NỀN KINH TẾ

### 1. Khái niệm

Cơ cấu kinh tế là tổng thể các ....., ....., .....có quan hệ hữu cơ tương đối ổn định hợp thành.

### 2. Các bộ phận hợp thành cơ cấu nền kinh tế

a. *Cơ cấu ngành kinh tế:* 3 nhóm ngành: nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp – xây dựng, dịch vụ.

b. *Cơ cấu thành phần kinh tế:*

- Được hình thành trên cơ sở .....bao gồm nhiều thành phần kinh tế có tác động qua lại với nhau.

- Gồm: Kinh tế Nhà nước, KT ngoài Nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

c. *Cơ cấu lãnh thổ:* Gắn bó chặt chẽ với cơ cấu ngành bao gồm: toàn cầu, khu vực, quốc gia, vùng.

## CHỦ ĐỀ 10: ĐỊA LÍ NÔNG NGHIỆP

### I. VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NÔNG NGHIỆP

#### 1. Vai trò

- Là một ngành sản xuất vật chất **không thể thay thế** được:

- + .....
- + .....
- + .....

- Hiện nay 40% số lao động thế giới tham gia hoạt động nông nghiệp, chiếm 4% GDP toàn cầu.

## 2. Đặc điểm

- Đất trồng là .....chủ yếu và không thể thay thế: cần phải duy trì và nâng cao .....cho đất, sử dụng hợp lí, tiết kiệm.
- Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là .....: cần phải hiểu biết và tôn trọng .....
- Sản xuất nông nghiệp có tính .....: Cần phải xây dựng cơ cấu hợp lí, đa dạng hóa sản xuất, phát triển các ngành dịch vụ, làng nghề,... tận dụng thời gian rỗi.
- Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào .....
- Trong nền kinh tế hiện đại, nông nghiệp trở thành ngành .....

## II. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

### 1. Nhân tố tự nhiên

- Đất: Ảnh hưởng đến .....,.....cây trồng, vật nuôi.
- Khí hậu, nước: Ảnh hưởng đến thời vụ, cơ cấu, khả năng xen canh tăng vụ, mức ổn định của sản xuất nông nghiệp.
- Sinh vật: Ảnh hưởng đến mức độ phong phú của giống cây trồng, vật nuôi, khả năng cung cấp thức ăn cho chăn nuôi.

### 2. Nhân tố kinh tế - xã hội

- Dân cư, lao động ảnh hưởng đến cơ cấu, sự phân bố cây trồng, vật nuôi (là lực lượng lao động, tiêu thụ, quan trọng để phát triển nông nghiệp)
- Sở hữu ruộng đất: Ảnh hưởng đến đường lối phát triển, các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.
- Tiến bộ khoa học kĩ thuật: Ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng, sản lượng.
- Thị trường tiêu thụ: Ảnh hưởng đến giá cả, điều tiết sản xuất, hướng chuyên môn hóa.

## III. MỘT SỐ HÌNH THỨC TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP

\* Vai trò: Tạo những tiền đề cần thiết nhằm .....các điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội.

### 1. Trang trại:

- Hình thành và phát triển trong thời kì .....thay thế kinh tế tiểu nông.

- Mục đích: Sản xuất .....
- Cách tổ chức quản lí: chuyên môn hóa, thâm canh, ứng dụng KH-KT, thuê nhân công lao động.

**2. Vùng nông nghiệp:** Là hình thức cao nhất, là lãnh thổ nông nghiệp .....về ĐKTN, KTXH nhằm phân bố hợp lí cây trồng vật nuôi, hình thành vùng chuyên môn hóa nông nghiệp.

#### **IV. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH NÔNG NGHIỆP**

##### **1. Ngành trồng trọt**

###### *a. Vai trò:*

- Nền tảng của sản xuất nông nghiệp.
- Cung cấp .....cho dân cư.
- Cung cấp nguyên liệu cho .....
- Cơ sở phát triển....., nguồn hàng ..... có giá trị.

###### *b. Các ngành trồng trọt*

##### **\* Cây lương thực**

- Vai trò
- + Cung cấp ..... dưới dạng tinh bột, dinh dưỡng cho người và gia súc.
- + Cung cấp.....cho công nghiệp chế biến.
- + Là mặt hàng ..... có giá trị,...
- Các cây lương thực chính

Đặc điểm sinh thái và phân bố: (SGK trang 108)

##### *- Lương thực khác*

Chủ yếu làm thức ăn cho chăn nuôi, nguyên liệu nấu rượu, cồn, bia, lương thực cho người ở các nước nghèo.

##### **\* Cây công nghiệp**

- Vai trò
- + Nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm.
- + Tận dụng tài nguyên đất, khắc phục được....., phá thế....., bảo vệ môi trường.
- + Mặt hàng.....có giá trị.

##### *- Đặc điểm*

+Cây ưa ....., ưa ....., cần ....., cần nhiều công chăm sóc và kĩ thuật cao.

##### *- Các cây công nghiệp chủ yếu*

Đặc điểm sinh thái và phân bố: (SGK trang 110)

### \* Ngành trồng rừng

- Vai trò của rừng

+ Hết sức quan trọng đối với môi trường, con người, điều hòa lượng nước trên mặt đất.

+ Lá phổi xanh của trái đất, bảo vệ đất, chống xói mòn.

- Tình hình trồng rừng

+ Rừng đang bị tàn phá do con người.

+ Diện tích trồng rừng trên thế giới ngày càng.....

+ Nước có diện tích rừng trồng lớn: Trung Quốc, Ấn Độ, Liên Bang Nga, Hoa Kỳ,...

### 2. Ngành chăn nuôi

a. Vai trò, đặc điểm ngành chăn nuôi.

\* Vai trò

- Cung cấp cho con người thực phẩm có dinh dưỡng cao; Nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp; Sản phẩm xuất khẩu có giá trị

- Cung cấp phân bón và sức kéo cho ngành trồng trọt.

\* Đặc điểm

- Cơ sở nguồn thức ăn ..... sự phát triển và phân bố, hình thức chăn nuôi.

- Trong nền nông nghiệp hiện đại ngành chăn nuôi có nhiều thay đổi về .....

- Ở các nước đang phát triển tỉ trọng thấp: cơ sở thức ăn chưa đảm bảo, cơ sở vật chất kỹ thuật còn lạc hậu, dịch vụ thú y, giống còn hạn chế, công nghiệp chế biến chưa phát triển.

b. Các ngành chăn nuôi

\* Cơ cấu: Gia súc lớn, nhỏ, gia cầm

\* Phân bố: (Xem Tập bản đồ Địa lí 10, trang 24,25 và SGK trang 114)

### 3. Ngành nuôi trồng thủy sản

a. Vai trò

- Cung cấp .....bổ dưỡng cho con người.

- Nguyên liệu cho .....

- Hàng xuất khẩu có giá trị.

b. Tình hình nuôi trồng thủy sản

- Cơ cấu nuôi trồng: thủy sản nước ngọt, lợ, mặn, ngày càng phát triển.

- Sản lượng nuôi trồng 10 năm tăng 3 lần (35 triệu tấn)

- Nước nuôi trồng nhiều: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ấn Độ, khu vực Đông Nam Á,...

## V. THỰC HÀNH VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VỀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC, DÂN SỐ CỦA THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ QUỐC GIA.

### 1. Vẽ biểu đồ

